

Đồng Nai, ngày 30 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai giao dự toán thu ngân sách nhà nước – chi ngân sách địa phương năm 2025 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

GIÁM ĐỐC SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách ngày 25 tháng 06 năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 789/QĐ-SLĐTBXH ngày 25/12/2024 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước - chi ngân sách nhà nước năm 2025;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai giao dự toán thu ngân sách nhà nước - chi ngân sách nhà nước năm 2025 cho các đơn vị sử dụng ngân sách thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (phụ lục kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính và Trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. 

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- CBCC khối VPS;
- Lưu: VT, KHTC.

GIÁM ĐỐC




Nguyễn Thị Thu Hiền

DỰ TOÁN THU CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 853/QĐ-SLĐTBXH ngày 30/12/2024 của Sở LĐTBXH)



ĐV tính: triệu đồng																		
Số TT	Nội dung	TỔNG SỐ ĐÃ GIAO	VPS	TTDVVL	TTCTXH và Quỹ TE	CSĐTNMT	BAN QLNT	P.LĐTBXH H.Trăng Bom	P.LĐTBXH TP.Long Khánh	P.LĐTBXH H TP. Biên Hòa	P.LĐTBXH H.Thống Nhất	P.LĐTBXH H H.Vinh Cữu	P.LĐTBXH H H.Cẩm Mỹ	P.LĐTBXH H H.Xuân Lộc	P.LĐTBXH H H.Định Quán	P.LĐTBXH H H.Tân Phú	P.LĐTBXH H H.Long Thành	P.LĐTBXH H H.Nhon Trạch
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí																	
I	Số thu phí, lệ phí		1.613															
1	Lệ phí		1.613															
2	Phí																	
II	lại																	
1	Chi sự nghiệp.....																	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên																	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên																	
2	Chi quản lý hành chính																	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ																	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ																	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước		1.613															
1	Lệ phí		1.613															
2	Phí																	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	288.144	41.643	3.198	39.834	50.636	5.029	9.513	10.098	60.094	5.473	8.796	8.760	8.878	9.209	5.826	13.993	7.166
1	Nguồn ngân sách trong nước	288.144	41.643	3.198	39.834	50.636	5.029	9.513	10.098	60.094	5.473	8.796	8.760	8.878	9.209	5.826	13.993	7.166
1	Chi quản lý hành chính	19.218	19.218	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	18.571	18.571															
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	647	647															
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ																	
2.1	nghệ																	
2.2	năng																	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên																	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	12.406	12.406	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0																
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	12.406	12.406															
4	Chi bảo đảm xã hội	256.520	10.019	3.198	39.834	50.636	5.029	9.513	10.098	60.094	5.473	8.796	8.760	8.878	9.209	5.826	13.993	7.166
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	50.031		2.717	20.086	24.924	2.304											
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	206.489	10.019	481	19.748	25.712	2.725	9.513	10.098	60.094	5.473	8.796	8.760	8.878	9.209	5.826	13.993	7.166